TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/DS-PT
Ngày: 22 - 01 - 2018
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2017/TLPT- DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2017/QĐPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1949 (Có mặt)
Bà Phạm Thị L, sinh năm 1955 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Bà Nguyễn Thị T, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1969 (Có mặt)
Bà Hồ Thị N (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn L là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông V và bà L trình bày: Vào ngày 14/4/2012 (âm lịch), ông L và bà N có nhờ vợ chồng ông V và bà L đi vay tiền Ngân hàng về cho vợ chồng ông Lvà bà N vay lại với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất Ngân hàng. Ngoài ra, ông V và bà L còn cho ông Lvà bà N mượn thêm số tiền 10.000.000 đồng không tính lãi. Tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà N ký tên. Đến tháng 08/2013 (âm lịch), tổng vốn và lãi bằng 65.100.000 đồng (trong đó có số tiền lãi là 5.100.000 đồng vợ chồng ông V và bà L đã trả cho Ngân hàng); ông Lvà bà N đã trả được 50.000.000 đồng (số tiền vốn vay Ngân hàng), còn lại

10.000.000 đồng cho mượn và tiền lãi 5.100.000 đồng chưa trả. ông V và bà L yêu cầu ông L và bà N trả cho ông bà số tiền 15.100.000 đồng.

Theo ông L trình bày: Vợ chồng ông V và bà L tự nguyện vay tiền Ngân hàng đưa cho vợ chồng ông Lvà bà N mượn nhiều lần, tổng số tiền bằng 60.000.000 đồng; trong đó có 50.000.000 đồng tính lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng và 10.000.000 đồng không tính lãi. Đến ngày 14/4/2012 (âm lịch), bà N có làm biên nhận cho ông V và bà L số tiền 60.000.000 đồng. Khoảng 8/2012 (âm lịch), bà N trả cho ông V và bà L 10.000.000 đồng; đến ngày 06/9/2013 (âm lịch), bà N trả thêm cho ông V và bà L 50.000.000 đồng (Các lần trả này không có làm biên nhận và cũng không ai biết), ông không có gì để chứng minh việc bà N trả các khoản tiền này. Ông Lxác định hiện nay vợ chồng ông chỉ còn thiếu ông V và bà L số tiền lãi là 5.100.000 đồng. Ông Lchỉ đồng ý trả cho ông V và bà L số tiền 5.100.000 đồng.

Bà N vắng mặt trong quá trình xét xử sơ thẩm và cũng không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 162, Điều 427, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V và bà Phạm Thị L. Buộc ông Phạm Văn L và bà Hồ Thị N có trách nhiệm trả cho ông V và bà L số tiền 15.100.000 đồng *(Mười lăm triệu, một trăm, ngàn đồng).*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/9/2017 ông Phạm Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/11/2017, ông L có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như: Cấp sơ thẩm không tống đạt thông báo thụ lý cho ông và bà N; không triệu tập bà N tham gia hoà giải, lấy lời khai và phiên toà xét xử; Thẩm phán Từ Thanh Nhung đã thay đổi toàn bộ các biên bản hoà giải do Thẩm phán Trương Thanh Thuỷ chủ trì; về tư cách đương sự, ông chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Toà thụ lý giải quyết xác định ông đồng bị đơn với bà N; vụ án thụ lý ngày 12/8/2016 nhưng đến ngày 28/9/2017 mới đưa ra xét xử, là cố ý làm trái với quy

định pháp luật, cố tình kéo dài thời gian để dung túng và thông đồng cho phía nguyên đơn của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích cho ông V phát biểu: Lời trình bày của các bên đương sự thống nhất với nhau, ông Lvà bà N vay của ông V và bà L 60 triệu đồng (trong đó 50 triệu đồng vay có lãi, 10 triệu đồng không có lãi). Ông Lthừa nhận còn nợ ông V và bà L số tiền lãi 5.100.000 đồng. Đối với số tiền vốn, ông V và bà L xác định ông L và bà N đã trả 50 triệu đồng, còn nợ 10 triệu đồng; ông Lcho rằng đã trả xong 60 triệu đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh mà ông chỉ nghe bà N nói lại. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, ông Lthừa nhận có vay của ông V, bà L số tiền 60.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tính lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng, còn 10.000.000 đồng không tính lãi) như ông V, bà L trình bày. Nhưng ông Lcho rằng đã trả xong cho ông V, bà L 60.000.000 đồng tiền vốn, chỉ còn nợ 5.100.000 đồng tiền lãi. ông V, bà L cho rằng ông Lâm, bà N đã trả 50.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ 10.000.000 đồng tiền vốn và 5.100.000 đồng tiền lãi.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tống đạt Thông báo thụ lý và triệu tập bà N: Ngày 30/8/2016, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Lvà bà N, do ông Phạm Văn T là em ông L nhận thay. Đến ngày 05/9/2016, ông L đã có làm Bản tự khai nộp cho Toà án. Như vậy, thể hiện ông Lđã nhận được Thông báo Thụ lý vụ án do ông Tuấn giao lại. Đối với bà N, đã bỏ đi khỏi địa phương không xác định được địa chỉ mới; trong quá trình giải quyết Toà án đã có tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo phiên hoà giải, Giấy triệu tập tham gia phiên toà đối với bà N theo quy định tố tụng dân sự.

Về Thẩm phán giải quyết, biên bản hoà giải: Khi vụ án thụ lý được phân công cho Thẩm phán Trương Thanh Thủy giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, do Thẩm phán Thuỷ hết nhiệm kỳ Thẩm phán nên vụ án được phân công lại cho Thẩm phán Từ Thanh Nhung tiếp tục giải quyết. Các biên bản hoà giải do Thẩm phán Thuỷ làm chủ toạ phiên hoà giải (bản gốc) vẫn còn trong hồ sơ vụ án. Việc ông Lcho rằng Thẩm phán Nhung đã thay đổi toàn bộ các biên bản hoà giải do Thẩm phán Trương Thanh Thuỷ chủ trì là không đúng.

Về tư cách tham gia tố tụng: Theo Đơn khởi kiện của ông V và bà L cho rằng ông Lvà bà N vay của ông bà số tiền 60.000.000 đồng; đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền vốn và 5.100.000 đồng tiền lãi. ông V và bà

L khởi kiện yêu cầu buộc ông L và bà N trả số tiền còn nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lcũng thừa nhận ông và bà N có vay tiền của ông V và bà L. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông L đồng bị đơn với bà N là đúng pháp luật.

Về thời hạn xét xử: Cấp sơ thẩm có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án; nhưng việc ông Lcho rằng Toà án cấp sơ thẩm cố ý làm trái với quy định pháp luật, cố tình kéo dài thời gian để dung túng và thông đồng cho phía nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông V và bà L là người khởi kiện; tâm lý người khởi kiện luôn mong muốn yêu cầu khởi kiện của mình được Toà án giải quyết nhanh chứ không bao giờ muốn kéo dài thời gian giải quyết.

Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự: ông V, bà L, ông Lthống nhất với nhau về số tiền vốn ông Lâm, bà N vay của ông V, bà L và số tiền lãi. Đối với số tiền lãi, các đương sự thống nhất với ông Lvà bà N còn nợ ông V và bà L 5.100.000 đồng; đối với số tiền vốn, ông V và bà L cho rằng ông Lvà bà N đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng; ông L cho rằng đã trả xong 60.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên toà phúc thẩm, ông V và bà L không thừa nhận ông Lvà bà N đã trả xong số tiền vốn 60.000.000 đồng; còn ông Lcho rằng đã trả cho ông V và bà L số tiền vốn 60.000.000 đồng (lần thứ nhất: vào tháng 8/2012 trả 10.000.000 đồng, lần thứ 2: vào ngày 06/9/2013 trả 50.000.000 đồng) nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không ai biết, mà ông L cho rằng chỉ nghe bà N nói lại. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và bà L, buộc ông Lvà bà N trả cho ông V và bà L số tiền 15.100.000 đồng (tiền vốn 10.000.000 đồng, tiền lãi 5.100.000 đồng) là đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông L phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V và bà Phạm Thị L. Buộc ông Phạm Văn L và bà Hồ Thị N trả cho ông V và bà L số tiền 15.100.000 đồng *(Mười lăm triệu, một trăm, ngàn đồng)*.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/9/2017 ông L đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0007319 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập